

Bản án số: 74/2022/HS-ST
Ngày: 16-02-2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Giang

Thẩm phán: Bà Phạm Uyên Thy

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Nam

Ông Nguyễn Tùng

Ông Bùi Quang Việt

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Trường

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 947/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2022/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Thành T; Sinh ngày 12/6/1994 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 1220/4A P, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: 301K/9 B, C, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Minh Đ và bà Đỗ Thị Bạch T; Bị cáo có vợ tên Hồ Thị Ngọc O và 01 con, sinh năm 2018.

Tiền án: 1/Tại Bản án số 208/2014/HSST ngày 18/9/2014 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” (Chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/10/2016); 2/Tại Bản án số 84/2018/HSST ngày 11/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xử phạt 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/5/2019).

Tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giam ngày 01/6/2021 - Có mặt.

Người bào chữa:

Bà Nguyễn Ngọc Trâm là luật sư của Văn phòng luật sư Hồ Trung Hiếu thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Thành T - Có mặt.

Những người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

1/Ông Nguyễn Minh Đ - Có mặt.

2/Bà Đỗ Thị Bạch T - Có mặt.

3/Ông Nguyễn Hoàng M - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 23 giờ 30 phút ngày 17/10/2020, Tổ công tác thuộc Công an C, Quận 8, tiến hành kiểm tra hành chính nhà số 301K/9 B, C, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại thời điểm kiểm tra có ông Nguyễn Minh Đ, bà Đỗ Thị Bạch T và ông Nguyễn Hoàng M đang ở tại nhà.

Tiến hành kiểm tra phòng ngủ trên lầu bên trái cầu thang: ông Đ tự mở hộc tủ thì phát hiện 01 hộp nhựa chứa tinh thể không màu có khối lượng 47,2479gam không tìm thấy ma túy và 01 gói nylon chứa tinh thể không màu là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 6,5906gam, loại Methamphetamine. Tiếp tục kiểm tra dưới tủ có 01 hộp giấy bên trong chứa 03 gói nylon chứa chất bột màu nâu là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 231,37 gam, loại Heroine. Ngoài ra, còn có thêm 01 cân tiểu ly tại phòng.

Vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 18/10/2020, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Quận 8 tiến hành khám xét khẩn cấp nhà số 301K/9 B, C, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Qua khám xét không phát hiện thu giữ gì thêm.

Tổng số ma túy thu giữ là 231,37 gam loại Heroine và 6,5906gam loại Methamphetamine được thể hiện tại kết luận giám định số 1829/KLGD-H ngày 26/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình điều tra, ông Nguyễn Minh Đ, bà Đỗ Thị Bạch T và Nguyễn Hoàng M (là cha, mẹ và anh ruột của Nguyễn Thành T) khai nhận: Căn phòng Cơ quan Công an kiểm tra là chỗ ở của Nguyễn Thành T. Căn phòng chỉ do một mình T ở và quản lý, tất cả đồ vật trong phòng là của T. Qua xác minh tại Công an Phường A, Quận 8 và Công an C, Quận 8 thì hiện tại Nguyễn Thành T không

có cư ngụ tại địa phương và đi đâu không rõ. Ngày 10/11/2020 Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã khởi tố vụ án và thông báo truy tìm Nguyễn Thành T.

Quá trình truy tìm đến ngày 30/5/2021, Công an Phường A, Quận 8 phát hiện và bàn giao Nguyễn Thành T cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra, xử lý. Tại Cơ quan Điều tra, T khai nhận:

Khoảng tháng 6/2021 T quen biết với người tên Trí Bính (không rõ lai lịch) tại khu vực Quận 8 có bán ma túy. Ngày 16/10/2020, T đã liên hệ mua của Trí Bính 01 gói ma túy đá với giá 300.000 đồng (khoảng hơn 6gam) và 03 gói ma túy Heroine với giá 10.000.000 đồng để sử dụng. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Bính hẹn T giao ma túy kém chất lượng và 01 cân điện tử cho T cất giấu giúp và hẹn vài ngày sau sẽ đến lấy lại. Sau đó, T đem toàn bộ số ma túy và dụng cụ nêu trên về cất giấu tại phòng ngủ của mình trên lầu tại nhà số 301K/9 B, C, Quận 8.

Ngày 17/10/2020, T thấy Cơ quan Công an đến kiểm tra nhà số 301K/9 B, C, Quận 8 phát hiện thu giữ ma túy tại phòng ngủ của T nên đã bỏ trốn khỏi địa phương sinh sống tại nhiều nơi khác nhau. Đến ngày 30/5/2021 Công an phát hiện và đưa T về trụ sở làm việc. T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số: 506/CT-VKSTPHCM-P1 ngày 23 tháng 11 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Thành T về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 4 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thành T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã nêu. Bị cáo khai nhận bản thân là người nghiện ma túy nên liên hệ đối tượng tên Bính (không rõ lai lịch) để mua ma túy. Toàn bộ số ma túy thu giữ trong vụ án là của bị cáo cất giữ để sử dụng. Riêng hộp nhựa chứa tinh thể không màu và cân tiểu ly bị cáo cất giữ giúp cho Bính.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh trong phần tranh luận sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, hậu quả của tội phạm mà bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vẫn giữ nguyên nội dung truy tố bị cáo Nguyễn Thành T về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 249; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T từ 18 đến 20 năm tù.

Phạt bổ sung bị cáo số 5.000.000 đồng, sung Ngân sách nhà nước.

Đồng thời đề nghị xử lý vật chứng và các vấn đề khác của vụ án theo quy định pháp luật.

Luật sư Nguyễn Ngọc Trâm bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thành T trình bày: Đồng ý về tội danh và điều luật mà đại diện Viện kiểm sát đã truy tố. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo thành khẩn khai báo, khối lượng ma túy bị cáo cất giữ để sử dụng cho bản thân đã thu giữ nên hậu quả xã hội của hành vi phạm tội có phần hạn chế, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn để xử phạt bị cáo mức hình phạt nhẹ hơn mức khởi điểm mà Viện kiểm sát đã đề nghị và miễn phần hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Các bên còn đưa ra một số quan điểm tranh tụng nhưng kết thúc phần tranh luận vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Lời nói sau cùng: Bị cáo Nguyễn Thành T xin được giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của của cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử đánh giá như sau:

Qua thẩm tra xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thành T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa được xác định phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời trình bày của người làm chứng ông Nguyễn Minh Đ, bà Đỗ Thị Bạch T và ông Nguyễn Hoàng M; biên bản tạm giữ tài liệu, đồ vật; phù hợp với nội dung của Kết luận giám định, cùng các tài liệu chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ của vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 17/10/2020, tại nhà số 301K/9 B, C, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Thành T có hành vi cất giấu trái phép

231,37 gam Heroine và 6,5906gam Methamphetamine chất ma túy để sử dụng cho bản thân thì bị Cơ quan Công an kiểm tra hành chính phát hiện và lập biên bản tạm giữ. Bị cáo T khai nhận nguồn ma túy bị cáo mua của đối tượng Trí Bính (không rõ lai lịch) tại khu vực Quận 8 với giá 10.000.000 đồng/ 03 gói Heroine và 300.000 đồng/01 gói ma túy đá.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Thành T đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Bản cáo trạng truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thành T là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền về quản lý các chất ma túy của Nhà nước, xâm phạm trật tự, trị an và an ninh xã hội, xâm phạm đến chính sách của nhà nước về đấu tranh phòng ngừa và loại bỏ ma túy ra khỏi cuộc sống xã hội. Bị cáo biết rõ ma túy là loại biệt dược độc hại, đã, đang và sẽ hủy hoại cả về thể chất lẫn tinh thần của những người nghiện hút, do đó nhà nước ta đã nghiêm cấm mọi hành vi sản xuất, tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy và quy định trừng phạt nghiêm khắc với những ai cố tình vi phạm. Bị cáo là người trên 18 tuổi và không thuộc trường hợp không có năng lực trách nhiệm hình sự nhưng vì thỏa mãn nhu cầu sử dụng trái phép chất ma túy của bản thân nên tàng trữ trái phép 231,37 gam Heroine và 6,5906gam Methamphetamine. Căn cứ hướng dẫn tại khoản 5 Điều 5 Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích các chất ma túy tại một số điều của Bộ luật hình sự, xét cần áp dụng điểm h khoản 4 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo một mức án nghiêm.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo có 01 tiền án về tội “Cướp giật tài sản” và 01 tiền án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” đã tái phạm, chưa được xóa án tích nay lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần có mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Về xử lý vật chứng thu giữ trong vụ án:

- Đối với 02 gói niêm phong số 1829/20 (gói 1, 3) bên ngoài có chữ ký của giám định viên Nguyễn Mạnh Cường và cán bộ điều tra Nguyễn Hữu Phúc, bên trong là mẫu còn lại sau giám định và 01 cân tiểu ly là vật nhà nước cấm lưu hành và vật không có giá trị sử dụng, xét cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại Iphone thu giữ của bị cáo Nguyễn Thành T là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội, xét cần trả lại điện thoại trên cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành khoản tiền phạt bổ sung.

[7] Các vấn đề khác:

- Đối với đối tượng tên Trí Bính do Nguyễn Thành T khai không rõ nhân thân, lai lịch nên không có cơ sở xác minh làm rõ.

- Đối với ông Nguyễn Minh Đ, bà Đỗ Thị Bạch T và ông Nguyễn Hoàng M là cha, mẹ và anh ruột của T, cùng cư ngụ tại địa chỉ 301K/9 B, C, Quận 8 là nơi T cất giấu khối lượng ma túy thu giữ trong vụ án. Xét, ma túy trong vụ án thu giữ tại phòng ngủ trên lầu bên trái cầu thang nhà 301K/9 B là phòng ngủ riêng của T. Bản thân ông Đ, bà T và ông M không biết và không liên quan đến việc T cất giấu ma túy tại nơi ở nên không có cơ sở xử lý trách nhiệm đối với ông Đ, bà T và ông M.

- Đối với gói nylon chứa 47,2479gam chất bột màu trắng, qua giám định không tìm thấy ma túy. Tại phiên tòa, bị cáo T khai không biết gói nylon Trí Bính đưa chứa những gì, không biết có ma túy kém chất lượng nên Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm đối với bị cáo theo hướng dẫn tại điểm 1.4 khoản 2 Điều 1 Thông tư liên tịch số 08/2015/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 14/11/2015.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 249; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thành T** 20 (hai mươi) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 01/6/2021.

Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 (năm triệu) đồng, sung Ngân sách nhà nước.

Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Tịch thu tiêu hủy: 02 gói niêm phong số 1829/20 (gói 1, 2) bên ngoài có chữ ký của giám định viên Nguyễn Mạnh Cường và cán bộ điều tra Nguyễn Hữu Phúc, bên trong là mẫu còn lại sau giám định (khối lượng 278,0256g) và 01 cân tiểu ly.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thành T: 01 điện thoại di động Iphone (không kiểm tra được imei, tình trạng máy do không có nguồn điện, số imei ở khay sim:...0158, kèm 01 sim) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Theo Biên bản giao nhận tang tài vật số NK2022/143 ngày 24/11/2021 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo xin xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- | | |
|-----------------------------|-----|
| - TAND TC; | (1) |
| - TAND Cấp Cao; | (1) |
| - VKSND TP. HCM; | (3) |
| - Cục THA DS TP. HCM; | (1) |
| - Sở tư pháp; | (1) |
| - Cơ quan điều tra; | (1) |
| - Trại tạm giam; | (2) |
| - Bị cáo; | (1) |
| - Luật sư; | (1) |
| - THA HS; | (1) |
| - Phòng PV06- CA TP. HCM; | (1) |
| - UBND nơi bị cáo cư trú; | (1) |
| - Lưu: VT, THS, hồ sơ; (21) | (5) |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Hương Giang